TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:36/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 29 tháng 6 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ah Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ah **Nguyễn Trọng Đ**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Chị **Vương Thanh N**, sinh năm 1990.
Nơi ĐKHKTT: Khu 3, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
(Hiện đang ở nước ngoài).

(Anh Đ, chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Anh Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Anh Đ và chị N kết hôn ngày 22/4/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ đẻ Anh Đ. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn khác. Khoảng tháng 4/2020, chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng xa nhau không có điều kiện để quan tâm, chia sẽ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay Anh xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Anh xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Linh A, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/4/2018. Hiện nay cả hai con chung đang ở với Anh. Sau khi ly hôn Anh Đ xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cả hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn, chi phí tố tụng: Anh Đ xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn chị Vương Thanh N trình bày: chị và Anh Nguyễn Trọng Đ kết hôn ngày 22/04/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và làm ăn kinh tế. Đến tháng 7 năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan, do vợ chồng xa nhau thường xuyên, vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chia sẻ, những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết được, cuộc sống hôn nhân không có khả năng đoàn tụ. Nay Anh Đ xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí và đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đ.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/04/2018, hiện nay cháu A và cháu D đang ở với Anh Đ. Khi ly hôn chị đề nghị tòa án giải quyết cho Anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu A và D. Về cấp dưỡng chị và Anh Đ tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt cùng ngày 10/4/2022 do chị N gửi từ Đài Loan về so với mẫu so sánh là bản chính giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2012 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không và tại kết luận giám định số: 679/KLGĐ – PC 09 ngày 28/5/2022 thể hiện chữ ký đứng tên Vương Thanh N và các chữ "Vương Thanh N" dưới mục "Người làm đơn; Người khai" trên "Đơn xin giải quyết vắng mặt; Bản tự khai" (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Vương Thanh N và các chữ "Vương Thanh N" dưới mục "Vợ" trên "Giấy chứng nhận kết hôn" tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) **là do cùng một người ký và viết ra**.

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và điều 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Vương Thanh N.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn: giao cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 14/12/2012 và cháu

Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/4/2018 cho Ah Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi hai cháu thành niên. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra do các đương sự không yêu cầu. Chị N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ tự nguyện chịu cả án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Anh Nguyễn Trọng Đ nộp đơn xin ly hôn chị Vương Thanh N tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Anh Đ trình bày hiện chị N đang ở nước ngoài. Tại công văn số 11186/QLXNC – P5 ngày 01/6/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 30/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công A xác định chị Vương Thanh N đã xuất cảnh gần nhất ngày 01/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này chị N không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Vương Thanh N đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, Anh Đ.

Mặc dù chị N vắng mặt nhưng đã có bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, đều ghi ngày 10/4/2022. Để có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết trong bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt có đúng chữ ký và chữ viết của chị N không? Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định và tại kết luận giám định số: 679/KLGĐ – PC 09 ngày 28/5/2022 thể hiện chữ ký đứng tên Vương ThAh N và các chữ "Vương Thanh N" dưới mục "Người làm đơn; Người khai" trên "Đơn xin giải quyết vắng mặt; Bản tự khai" (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Vương Thanh N và các chữ "Vương Thanh N" dưới mục "Vợ" trên "Giấy chứng nhận kết hôn" tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) **là do cùng một người ký và viết ra**. Do vậy, các tài liệu nêu trên thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị N nên được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Vương Thanh N trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/4/2012 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh Đ và chị N có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn khác. Đến tháng ngày 01/8/2019, chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng xa nhau không có điều kiện để quan tâm, chia sẽ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay Anh Đ nhận thấy tình cảm vợ

chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Anh đề nghị giải quyết cho Anh được ly hôn với chị N, phía chị N cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn. Do vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ah Nguyễn Trọng Đ và chị Vương Thanh N là phù hợp với điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Đ và chị N đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Linh A, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/04/2018, hiện nay cháu A và cháu D đang ở với Ah Đ. Khi ly hôn Anh Đ xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu A và cháu D và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh. Phía chị N cũng nhất trí để Anh Đ được nuôi dưỡng cháu A, cháu D và cấp dưỡng nuôi con chị và Anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con chung giữa Anh Đ và chị N là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của con chung; Đối với cấp dưỡng nuôi con chung Anh Đ tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Do vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh Đ, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về chi phí tố tụng: Ah Đ xin tự nguyện chịu chi phí giám định là 3.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của Anh Đ nên chấp nhận.

Về án phí: Anh Đ và chị N mỗi người phải chịu 75.000đ, tổng cộng là 150.000đ. Tuy nhiên, Anh Đ xin tự nguyện chịu cả phần án phí của chị N nên cần chấp nhận sự tự nguyện của Anh Đ là phù hợp.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và điều 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Vương Thanh N.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Vương Thanh N, như sau: Anh Nguyễn Trọng Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/4/2018. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh Đ. Vì Anh Đ tự nguyện không yêu cầu.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Trọng Đ tự nguyện chịu chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Xác nhận Anh Đ đã nộp đủ số tiền trên tại phiếu thu ngày 07/6/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công A tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về án phí: Ah Nguyễn Trọng Đ tự nguyện chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Anh Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000066 ngày 18/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Nguyễn Trọng Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị Vương Thanh N có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hảo **Nguyễn Ngọc Thắng** **Nguyễn Hà GiAg**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Hà L- ơng;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà GiAg